TÒA ÁN NHÂN DÂN **H1ỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2019/HS-ST
Ngày 07/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Danh Minh Hòa**

2/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị H1ền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân H1ện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Lý Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2019, về tội "Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Danh H (H Đ); sinh ngày 06/3/1988; Nơi cư trú: ấp CR, xã TB, H1ện GR, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông Danh L, sinh năm 1953 và bà Trần Thị S, sinh năm 1950; Vợ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989 và có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoài để điều tra, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị **Trần Thị Ý Nh**; sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp AP, xã BA, H1ện CT, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Lê Hoàng H1**; sinh năm 1978 (có mặt).

Trú tại: KP 4, TT. GR, GR, KG.

2/ Anh **Trần Thanh H2**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Trú tại: KP. 3, TT. GR, huyện RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 05 tháng 6 năm 2019, Danh H cùng người bạn tên Đ (không rõ họ tên và địa chỉ) đến phòng trọ Bảo Nguyên thuộc ấp MP, BA, CT, KG do H thuê để ở chờ đưa Đ đi ghe biển. Sau đó Đ nhờ H tìm gái bán dâm cho Đ thì H đồng ý, H điện thoại cho Trần Thị Nh, sinh năm 1986 là tiếp viên quán nhậu và có quen biết với H đến phòng trọ của H để bán dâm cho Đ thì Nh đồng ý.

Đến khoảng 06 giờ, ngày 06 tháng 6 năm 2019 Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Visson, màu đỏ, biển kiểm soát 68E1 – 347.49 (do Nh đứng tên chủ sở hữu), đến phòng trọ của H nhưng không gặp Đ mà chỉ có H ở trong phòng. Tại đây, giữa H và Nh thống nhất với nhau về việc mua và bán dâm với giá 500.000 đồng/01 lượt. Sau khi quan hệ xong Nh ngủ lại tại đây, đến khoảng 07 giờ cùng ngày H kêu Nh thức dậy đi về và nhờ Nh chở H ra bến xe buýt Tắc Cậu để cho H đi Giồng Riềng thì Nh ngồi dậy mặc đồ vào, nhưng do Nh mệt không đi được nên H hỏi mượn xe của Nh đi Giồng Riềng thì Nh đồng ý cho H mượn xe rồi Nh nằm xuống ngủ tiếp. Sau đó, H lấy chìa khóa xe để trong ví của Nh và điều khiển xe đến Giồng Riềng, đến khoảng 08 giờ Nh thức dậy không thấy xe và H đâu, Nh mở điện thoại ra thấy tin nhắn của H với nội dung "H mượn xe đi rước lính vì nó bỏ trốn", Nh điện thoại cho H thì H kêu Nh đi Taxi xuống Giồng Riềng lấy xe nhưng khi đến nơi thì không gặp xe và H.

Khi đến Giồng Riềng, H khai nhận gặp Đ tại đây, Đ kể cho H nghe về việc bạn của Đ đang cần tiền để trả nợ và muốn đi ghe biển để kiếm tiền trả nợ. Nghe vậy, H liền nảy sinh ý định mang xe của Nh đi cầm để lấy tiền trả nợ cho người bạn của Đ, rồi đưa người này cùng với Đ đi ghe biển để hưởng tiền hoa hồng từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ 01 người, H nhờ người bạn tên Trần Thanh H2 (Hiếu) giới thiệu mang chiếc xe trên đến cầm cho Lê Hoàng H1 là cháu của H2 tại khu phố 4, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang với giá

10.000.000 đồng H lấy 9.000.000 đồng đưa cho người thanh niên trên, số tiền còn lại H sử dụng cho mục đích cá nhân, sau đó H tiếp tục điện thoại cho H2 đến gặp H1 lấy thêm 4.000.000 đồng đưa cho H.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: **21** ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thể hiện: 01 xe môtô nhãn hiệu HONDA, số loại Visson, biển số kiểm soát 86E1 – 347.49 có giá trị định giá tại thời điểm theo yêu cầu định giá là 29.260.800 đồng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 12 tháng 6 năm 2019 chị Trần Thị Nh đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an H1ện Châu Thành trình báo sự việc về hành vi của Danh H, đến ngày 10 tháng 7 năm 2019 Danh H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H về hành vi lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản.

Về vật chứng trong vụ án***:*** Đối với 01 chiếc xe môtô hiệu HONDA, số loại Vision, biển số kiểm soát 68E1 – 347.49, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã thu hồi trả lại cho bị hại chị Trần Thị Nh.

Đối với chiếc điện thoại di động của H sử dụng để liên lạc với H2 trong việc thực hiện hành vi phạm tội, trong quá tình sử dụng, H đã làm rơi mất, không xác định được vị trí nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không thu hồi được.

Về trách Nhệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, bị hại chị Trần Thị Nh đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì thêm, do đó không xem xét.

Đối với Lê Hoàng H1 yêu cầu Danh H phải bồi thường số tiền dùng để cầm chiếc xe môtô biển số kiểm soát 68E1 – 347.49 do H mang đến cầm là 14.000.000 đồng. H đồng ý bồi thường cho H1 nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 69/CT - VKS – CT ngày 26/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh H về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Danh H phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh H** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách Nhệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Danh H trả lại cho anh Lê Hoàng H1 số tiền 14.000.000 đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do giữa Danh H với chị Trần Thị Nh có quen biết với nhau nên vào khoảng 10 giờ, ngày 06/6/2019 tại nhà trọ B Q thuộc ấp MP, BA, CT, KG, H hỏi mượn chiếc xe môtô mang biển số kiểm soát 68E1 – 347.49 của chị Nh đi công chuyện thì chị Nh đồng ý. Sau khi mượn được xe H điều khiển xe đi về Giồng Riềng, khi đến nơi do không có tiền tiêu xài H đem chiếc xe trên đi cầm được 14.000.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà H chiếm đoạt của chị Nh có giá trị là 29.260.800 đồng. Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự thì "Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm

đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Mượn tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;"....

Như vậy, hành vi lợi dụng lòng tin của chị Nh giao xe cho bị cáo mượn đi công cH1ện để khi có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản" như đã viện dẫn ở trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo nhận thức được lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra thế nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã lợi dụng việc bị hại tin tưởng giao xe cho bị cáo mượn đi công việc nhưng sau khi có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem xe đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo ít Nhều gì cũng đã gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất của người bị hại, gây mất lòng tin cho nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách Nhệm dân sự:

5.1 Tại phiên tòa người bị hại chị Trần Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn cũng như trong hồ sơ có thể hiện rỏ là chị Nh đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt nên chị Nh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

5.2 Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng H1 yêu cầu bị cáo trả lại cho anh H1 số tiền 14.000.000 đồng mà anh đã bỏ ra cầm xe, ngoài số tiền trên anh H1 không yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo đồng trả lại số tiền trên theo yêu cầu của anh H1 nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo **Danh H** (H Đ) **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách Nhệm dân sự áp dụng Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Danh H trả lại cho anh Lê Hoàng H1 số tiền 14.000.000 đồng.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Danh H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và (14.000.000 đồng x 5%) = 700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong